| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2023
*"V/v Xin ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thảo Ngoan**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Thi Thị Thanh Trúc

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

*Thư ký phiên tòa:* Bà Kiên Thị Minh Hiếu

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Văn Thanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, năm sinh 1979.
Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà **Bùi Thị Kim C**, sinh năm 1980.
Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày và yêu cầu như sau:*

Ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Kim C được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh vào năm 2013 theo giấy Chứng nhận kết hôn số 143/2013 ngày 28/10/2013. Trong quá trình chung sống nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, giữa vợ chồng ông T và bà C xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cải vã, bất đồng nhiều quan điểm trong

cuộc sống. Nhận thấy cuộc hôn nhân không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Bùi Thị Kim C.

- Về con chung: Nguyên đơn Nguyễn Văn T khai có 05 con chung là Nguyễn Thanh B, sinh ngày 10/3/2004 hiện nay đã trưởng thành không bị nhược điểm về tâm thần hay thể chất nên ông T không yêu cầu đặt ra giải quyết; còn 04 người con chung chưa thành niên gồm Nguyễn Thanh T, sinh ngày 28/3/2007 hiện đang sống với bà C; Nguyễn Thanh V, sinh ngày 15/5/2010 hiện nay đang sống với ông T; Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 02/10/2011 và Nguyễn Thanh B, sinh ngày 21/4/2021 hiện đang sống với bà C. Khi ly hôn ông Nguyễn Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh V theo nguyện vọng của con, ông T đồng ý giao 03 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 28/3/2007; Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 02/10/2011 và Nguyễn Thanh B, sinh ngày 21/4/2021 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Bùi Thị Kim C đều vắng mặt các lần triệu tập của Tòa án.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Kim C xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh vào năm 2013 theo giấy Chứng nhận kết hôn số 143/2013 ngày 28/10/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Kim C là hợp pháp.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông với bà Bùi Thị Kim C thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên giữa vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ khoảng cuối năm 2021 cho đến nay không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử thấy căn cứ vào lời khai của ông Nguyễn Văn T cùng với việc trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Bùi Thị Kim C để hòa giải nhằm làm rõ mâu thuẫn giữa hai bên để tìm giải pháp cho hai bên thỏa thuận, đoàn tụ với nhau nhưng bà Bùi Thị Kim C vắng mặt, như vậy chứng tỏ bà Bùi Thị Kim C không có ý chí muốn đoàn tụ với ông Nguyễn Văn T. Ngoài ra, trong thời gian sống ly thân hai bên đương sự không

tạo điều kiện cho nhau để cải thiện quan hệ vợ chồng, khắc phục sai lầm, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Vậy nên, Hội đồng xét xử nhận thấy sự việc mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Kim C đã trở nên trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu nhưng không thể hàn gắn tình cảm nên việc ông Nguyễn Văn Thanh yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị Kim C là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về quyền nuôi dưỡng con chung: Nguyên đơn Nguyễn Văn T khai có 05 con chung là Nguyễn Thanh B, sinh ngày 10/3/2004 hiện nay đã trưởng thành không bị nhược điểm về tâm thần hay thể chất nên ông T không yêu cầu đặt ra giải quyết; Khi ly hôn ông Nguyễn Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh V hiện đang sống cùng ông theo nguyện vọng của con, ông T đồng ý giao 03 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 28/3/2007; Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 02/10/2011 và Nguyễn Thanh B, sinh ngày 21/4/2021 hiện đang sống với mẹ cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu giao con chung của nguyên đơn để đảm bảo sự phát triển và ổn định đời sống cũng như việc học tập của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T đã được giải thích về quyền và nghĩa vụ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 91, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Bùi Thị Kim C.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh V, sinh ngày 15/5/2010 hiện nay đang sống với ông T cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con. Giao 03 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 28/3/2007; Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 02/10/2011 và Nguyễn Thanh B, sinh ngày

21/4/2021 hiện đang sống với mẹ cho bà Bùi Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung Nguyễn Thanh B, sinh ngày 10/3/2004 hiện nay đã trưởng thành không bị nhược điểm về tâm thần hay thể chất nên không yêu cầu đặt ra giải quyết

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0012200 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên ông Nguyễn Văn T không phải nộp thêm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thảo Ngoan**